

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông
giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 522/TTr-SNV ngày 30 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Hồ Văn Mười

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1274~~ 1274/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021
của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển; liêm chính, phục vụ Nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2025.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính trong 5 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của tỉnh; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

Triển khai có hiệu quả các thể chế của nền hành chính Nhà nước, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức.

Phấn đấu đến hết năm 2025:

- Cụ thể hóa thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

- Triển khai có hiệu quả thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Triển khai có hiệu quả các khung khổ pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả các chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Triển khai có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

+ Thực hiện tốt các quy định pháp luật về sở hữu, về phát triển các thành phần kinh tế, về gắn kết tăng trưởng kinh tế với đảm bảo phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, về đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế...

+ Triển khai có hiệu quả các quy định về thu hút đầu tư, về đất đai, tài nguyên.

+ Tham gia xây dựng và triển khai có hiệu quả các quy định về cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học và công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

+ Tổ chức xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật:

+ Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

+ Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các Sở, Ban, ngành, địa phương.

+ Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

+ Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

+ Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp

luật.

+ Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu

Triển khai có hiệu quả các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

Phấn đấu đến hết năm 2025:

- Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020.

- Triển khai có hiệu quả việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Từ năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các Sở, Ban, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ

hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

- + Đẩy mạnh rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; mạnh dạn đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- + Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho người dân.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, thông qua tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp, phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả việc thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước

các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Phấn đấu đến hết năm 2025:

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

+ Hoàn thành việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

+ Giảm tối thiểu bình quân toàn tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả các chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

+ Tiếp tục rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho Sở, Ban, ngành, địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp ở tỉnh và địa phương.

+ Triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

+ Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

+ Triển khai việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã không đủ các tiêu chí theo quy định.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa chính quyền các

cấp, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Triển khai có hiệu quả các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước.

Phấn đấu đến hết năm 2025:

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

+ 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, đảm bảo đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển trong giai đoạn mới.

- Triển khai thực hiện các quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; nghiên cứu đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Tổ chức cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Nghiên cứu, triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm,

thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, triển khai thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đầy mạnh tự chủ.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

- Triển khai hiệu quả cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, đảm bảo giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Phân đầu đến hết năm 2025:

- Triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

- Triển khai có hiệu quả về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

b) Nhiệm vụ

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước

trên cơ sở cụ thể hóa các văn bản của Trung ương và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Triển khai cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Triển khai có hiệu quả về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Triển khai có hiệu quả các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Sở, Ban, ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa:

+ Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

+ Nghiên cứu tổ chức chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Mục tiêu

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

Phấn đấu đến hết năm 2025:

+ Cổng Dịch vụ công tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cổng Dịch vụ công quốc gia thuận lợi cho việc truy cập, thống kê.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền.

+ 80% hệ thống thông tin của các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp được đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên

thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

+ 100% hệ thống báo cáo của các Sở, Ban, ngành, địa phương được kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, được chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh đến UBND cấp huyện, UBND cấp xã: 100% cấp huyện, 80% trở lên cấp xã thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND các cấp.

+ 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% Sở, Ban, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đảm bảo hiển thị theo thời gian thực tế.

b) Nhiệm vụ

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Tổ chức triển khai chính quyền số các cấp và các văn bản hướng dẫn thi hành để triển khai thực hiện.

+ Cụ thể hóa về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số và các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Đầu tư phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tại Sở, Ban, ngành, địa phương; phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tại Sở, Ban, ngành, địa phương.

+ Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Đầu tư, phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các Sở, Ban, ngành, địa phương.

- Phát triển nền tảng và hệ thống số:

+ Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của Sở, Ban, ngành, địa phương và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc chính quyền điện tử đề trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của Sở, Ban, ngành, địa phương.

+ Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

+ Xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Phát triển dữ liệu số:

+ Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ của Sở, Ban, ngành, địa phương; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các Sở, Ban, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Triển khai có hiệu quả Trục liên thông văn bản quốc gia thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu số, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Sở, Ban, ngành, địa phương phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của UBND tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp.

Triển khai có hiệu quả việc chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm

phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ, phát triển hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

+ Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ chính quyền điện tử tại Sở, Ban, ngành, địa phương.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Triển khai có hiệu quả Công Dịch vụ công quốc gia, Công dịch vụ công tỉnh; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 lên Công Dịch vụ công quốc gia.

+ Triển khai có hiệu quả cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Công tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

+ Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

Nghiên cứu lựa chọn các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội của tỉnh như: Ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải đảm bảo hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

a) Mục tiêu

Phấn đấu đến hết năm 2025:

Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 90%; Chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước và đạt chỉ số 85% trở lên, xếp trong nhóm 40/63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Nhiệm vụ

- Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành gắn với đẩy mạnh tham mưu, tổng hợp, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Trung ương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú để người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức nắm bắt được vai trò, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác cải cách hành chính, kịp thời phát hiện những vi phạm, sai phạm; xử lý, đề xuất xử lý nghiêm minh để nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Hàng năm ban hành, triển khai Kế hoạch: Cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Triển khai đánh giá, xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện và các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh. Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính; Chỉ số hài lòng về chất lượng dịch vụ y tế công, giáo dục công lập, dịch vụ công về đất đai, xây dựng, đầu tư...

- Nghiên cứu các giải pháp, sáng kiến cải cách hành chính để áp dụng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bố trí đầy đủ nguồn tài chính và nhân lực cho công tác cải cách hành chính.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các Sở, Ban, ngành, địa phương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban, ngành, địa phương; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Căn cứ điều kiện cụ thể, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 5 năm và hàng năm để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng lộ trình theo các mục tiêu cải cách hành chính.

b) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ cải cách hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Sở, Ban, ngành, địa phương.

c) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) tình hình thực hiện Kế hoạch để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

d) Đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ:

- a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.
- b) Chủ trì triển khai các nội dung: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ.
- c) Hàng năm tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính.
- d) Thẩm định các đề án thí điểm cải cách hành chính (nếu có) do Sở, Ban, ngành, địa phương trình UBND tỉnh.
- đ) Hướng dẫn Sở, Ban, ngành, địa phương xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.
- e) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.
- g) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Sở, Ban, ngành, địa phương và các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh.
- h) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.
- i) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các cấp.
- k) Hàng năm tổ chức tổng kết cải cách hành chính; đến năm 2025, tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tư pháp:

- a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.
- b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.
- c) Chủ trì triển khai có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Văn phòng UBND tỉnh:

- a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công tỉnh; Văn phòng điện tử (ioffice), Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.
- c) Chủ trì đôn đốc các Sở, Ban, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối,

phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao theo thời gian thực tế.

5. Sở Tài chính:

a) Chủ trì theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách Tài chính công.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các Sở, Ban, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Theo dõi, đôn đốc các Sở, Ban, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện Kế hoạch (nếu có).

c) Triển khai các biện pháp, giải pháp để thu hút đầu tư; phát triển doanh nghiệp; là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì triển khai nội dung phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

b) Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

c) Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

8. Sở Y tế:

a) Chủ trì nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế, nghiên cứu đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì, hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

c) Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục, nghiên

cứu đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp Hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chủ trì và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì, triển khai thực hiện chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

11. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, Ban, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của tỉnh.

13. Công an tỉnh:

a) Chủ trì triển khai, vận hành, khai thác và cập nhật có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Chủ trì quản lý xác thực và định danh điện tử qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua Hệ thống do Bộ Công an xây dựng.

b) Nghiên cứu, đề xuất đổi mới công tác quản lý cư trú theo hướng hiện đại với lộ trình, bước đi phù hợp.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương trên địa bàn tỉnh:

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo./.

PHỤ LỤC

Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021
của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Kế hoạch “Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Sau khi có Kế hoạch của Trung ương
2	Xây dựng “Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành, địa phương; các cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
3	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện “Đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
4	Xây dựng Kế hoạch “Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tỉnh giai đoạn 2021 - 2025”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Năm 2021
5	Xây dựng “Đề án thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
6	Xây dựng Quy định “Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Năm 2021
7	Xây dựng đề án “Sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã không đủ các tiêu chí theo quy định”.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
8	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của Trung ương về	Sở Tư pháp,	UBND cấp huyện,	Sau khi có Kế hoạch

	đồng bộ, liên thông giữa CSDL quốc gia về hộ tịch và CSDL quốc gia về dân cư.	Công an tỉnh	UBND cấp xã	của Trung ương
9	Quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công tỉnh; Văn phòng điện tử (ioffice), Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Năm 2021
10	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
11	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”.	Sở Y tế	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
12	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công lĩnh vực đất đai”.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
13	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công lĩnh vực xây dựng”.	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
14	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công lĩnh vực đầu tư”.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm
15	Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉnh và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
16	Xây dựng, ban hành “Đề án phát triển đô thị thông minh”.	Sở Thông tin và Truyền	Các Sở, Ban, ngành và địa	Sau khi có hướng dẫn của Trung

		thông	phương	ương
--	--	-------	--------	------

GIẤY NHẬN